TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2026/DS-PT
Ngày: 06-02-2026
V/v "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi
Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm
Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Điểu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/01/2026 và ngày 06/02/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 702/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1236/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Đặng Thị Thúy A, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà E, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

***2. Bị đơn*:**

2.1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 ;

2.2. Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1985 (có mặt);

Cùng địa chỉ: số F, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H: anh Lê Văn L, sinh năm 1993; Địa chỉ thường trú: Khóm D, xã T, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/11/2024 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Đặng Thị Bảo T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: 143, B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy A ủy quyền cho chị Dương Thị Như Ý đại diện trình bày: Năm 2023 chị A cho anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị H vay nhiều lần, sau khi chốt lại số tiền gốc tổng cộng là 1.356.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/12/2023 (trong đó: chị A nhờ chị T chuyển khoản là 865.000.000 đồng; chị A giao tiền mặt cho bị đơn là 491.000.000 đồng). Sau đó chị H chuyển trả lại chị A qua số tài khoản chị T là 311.000.000 đồng, còn lại số tiền anh Q và chị H chưa trả cho chị A là 1.135.000.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 12/12/2023 chị H và chị A chốt lại số tiền nợ là 1.045.000.000 đồng, chị H làm giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/12/2023. Đến ngày 18/12/2023 chị H vay tiếp số tiền 90.000.000 đồng và làm giấy vay tiền cam kết trả nợ ngày 18/12/2023. Đối với yêu cầu số tiền 20.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị Thúy A yêu cầu chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị A số tiền vay gốc là 1.135.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền lãi là 107.393.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.242.393.500 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho anh Lê Văn L đại diện trình bày: Chị H không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thúy A, do chị H không có vay tiền của chị A. Đối với giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 18/12/2023 và giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/12/2023 anh L không biết có phải là chữ ký của chị H không vì không xác định được.

Anh L đại diện theo ủy quyền của chị H yêu cầu giám định tuổi mực đối với chữ ký và chữ viết của chị A đối với chữ viết còn lại biên nhận gốc, để chứng minh không cùng thời điểm ký với biên nhận vay, để chứng minh chị H không có mượn số tiền này, yêu cầu giám định cả hai giấy vay tiền và cam kết trả nợ. Anh L không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị H trên 02 giấy vay tiền và cam kết trả nợ nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày: Chị Nguyễn Thị H là vợ của anh Q. Chị H mở tiệm Spa làm đẹp cho nhiều người thiếu chịu (thiếu nợ), nên

nhờ chị Đặng Thị Thúy A (em chồng) là người cho vay tiền chuyên nghiệp mua sổ vay tiền, nợ tiền và hướng dẫn chị H viết làm mẫu để khi có cần thì lấy ra ghi, vì vậy nội dung ghi trên giấy vay tiền và cam kết trả nợ thông tin không đúng và không đầy đủ (chỉ viết làm mẫu), nhờ hướng dẫn ghi chép nên chị A biết chị H để hồ sơ, giấy tờ ở đâu và tự ra nhà anh Q khi anh và chị H không có ở nhà, chỉ có con trai hơn 14 tuổi ở nhà, lấy giấy vay tiền của chị H ký sẵn rồi ký tên vô để khởi kiện anh Q, chị H cho rằng có nợ số tiền trên.

Nay nguyên đơn khởi kiện anh Q không đồng ý, vì không có nợ số tiền như chị Đặng Thị Thúy A trình bày. Anh Q đề nghị Tòa án xem xét giám định tuổi mực chữ viết, chữ ký của chị H với chữ ký của chị A có đúng thời điểm, thời gian vay tiền và trao tiền hay không. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Bảo T trình bày: Chị Đặng Thị Thúy A là chị ruột của chị T, việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, chị T không biết nhưng từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 chị A có nhờ chị T chuyển cho chị H rất nhiều lần từ số tài khoản Ngân hàng V của chị T đến số tài khoản Ngân hàng A1 của chị H, các lần chuyển tiền này đều do chị A yêu cầu chị T chuyển cho chị H, anh Q nói là vay. Tính đến thời điểm hiện tại chị T chuyển dùm chị A cho chị H, anh Q vay còn thiếu lại chị A là 865.000.000 đồng (trong số tiền 1.135.000.000 đồng). Chị T thừa nhận tiền chuyển khoản này là tiền của chị A, không phải nguồn tiền của chị T. Hiện nay chị A đang khởi kiện chị H, anh Q đòi lại tiền vay thì chị T không có ý kiến và không tranh chấp gì trong vụ án này. Chị T thống nhất để chị A khởi kiện. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thúy A đối với chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh Q.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Đặng Thị Thúy A số tiền vay còn nợ gốc là 1.135.000.000 đồng, tiền lãi 107.393.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 1.242.393.500đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Đặng Thị Thúy A chi phí giám định số tiền 3.972.000đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu của chị Đặng Thị Thúy A đối với chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh Q về số tiền vay 20.000.000 đồng và số tiền vay 50.000.000 đồng.

5. Về án phí:

- Chị Đặng Thị Thúy A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đặng Thị Thúy A được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.336.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0011797 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 49.271.800đ (Bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q nộp đơn kháng cáo vào ngày 26/9/2025 và ngày 27/9/2025 yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết như sau:

- Anh Nguyễn Thanh Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thị H yêu cầu xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 theo hướng hủy bản án để tiến hành giám định tuổi mực trong biên nhận nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Bởi các căn cứ như: Việc cho vay chuyển tiền được thực hiện giữa chị A, chị T và chị H, nếu chị H có nợ thì chỉ nợ chị T thôi; Việc chị A cho rằng chị H vay tiền nhưng không có biên bản chốt nợ để xác định số tiền vay; Không có chứng cứ nào chứng minh chị A có đến nhà chị H để cho vay tiền nhiều lần vào năm 2023 và đến ngày 12/12/2023, ngày 18/12/2023 chốt nợ giữa các bên; Anh Q không có ký vào bất cứ biên nhận nào, chị H chỉ chuyển khoản tiền cho anh để rút tiền mặt vài triệu nhằm mua đồ sinh hoạt gia đình thôi.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho anh Lê Văn L: Anh L vắng mặt tại phiên tòa, cung cấp cho Tòa án Luận cứ trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị H ngày 02/02/2026 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị H hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy A: Chị A vắng mặt tại phiên tòa, cung cấp cho Tòa án Đơn xin vắng mặt ngày 16/01/2026, yêu cầu Hội đồng xét xử

phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 356/PB-VKS-DS ngày 06/02/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc anh Q nộp đơn kháng cáo đề ngày 25/9/2025 vào ngày 26/9/2025 và chị H nộp đơn kháng cáo đề ngày 27/9/2025 vào ngày 27/9/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Đặng Thị Thúy A và chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn chị Đặng Thị Bảo T vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy A cho rằng năm 2023 chị có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q vay tiền nhiều lần, sau khi chốt lại số tiền gốc chị H và anh Q còn nợ tổng cộng là 1.356.000.000 đồng, chị H có làm giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/12/2023 với số tiền 1.045.000.000 đồng và ngày 18/12/2023 với số tiền

90.000.000 đồng. Chị A yêu cầu chị H và anh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị A số tiền vay gốc là 1.135.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền lãi là 107.393.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.242.393.500 đồng. Bị đơn chị H và anh Q không thừa nhận có vay số tiền trên, nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị A. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy A buộc bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị A số tiền vay còn nợ gốc là 1.135.000.000 đồng, tiền lãi 107.393.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi 1.242.393.500 đồng là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Nguyên đơn cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hợp đồng vay tiền giữa các đương sự là có thật, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, thông qua giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/12/2023 với số tiền 1.045.000.000 đồng và hợp đồng vay tiền và cam kết trả nợ ngày 18/12/2023 với số tiền 90.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết của chị H bên vay. Điều này phù hợp với Kết luận giám định số: 195/KL- KTHS ngày 18/06/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C kết luận chữ ký và chữ viết trên 02 giấy vay tiền và cam kết trả nợ nêu trên là cùng một người viết ra là chị Nguyễn Thị H, cụ thể "*Chữ viết trên các tài liệu ký hiệu A1,A2 (trừ chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Thị Thúy A); chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu ký hiệu A1,A2 so với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M12 là do cùng một người viết ký ra"*. Nên có căn cứ xác định chị H có nợ tiền vay của chị A với số tiền gốc là 1.135.000.000 đồng. Vì vậy, chị H có nghĩa vụ trả nợ vay cho chị A là phù hợp Điều 466 Bộ luật Dân sự.

- Đối với anh Q, cho rằng việc vay nợ giữa chị A và vợ anh là chị H, anh không biết và không có ký tên vào 02 giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/12/2023 và ngày 18/12/2023, nên anh Q không đồng ý liên đới cùng chị H trả số nợ trên cho chị A. Xét ý kiến của anh Q là không có căn cứ, bởi lẽ mặc dù anh Q không có ký tên vào 02 giấy vay tiền và cam kết trả nợ nêu trên nhưng anh Q thừa nhận việc vợ anh mở tiệm SPA làm đẹp anh có biết và chị H có chuyển tiền qua số tài khoản của anh nhờ anh rút tiền dùm. Mặt khác, số tiền chị H vay của chị A là dùng vào công việc kinh doanh của chị H nhằm tạo ra thu nhập để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh Q. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm buộc anh Q có trách nhiệm liên đới với chị H trả số tiền còn nợ cho chị A là có căn cứ phù hợp Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 (viết tắt là Bộ luật Dân sự) và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Xét việc bị đơn chị H và anh Q yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tuổi

mực tên Đặng Thị Thúy A và Nguyễn Thị H có ký cùng thời điểm hay không là không cần thiết vì chị A đã thừa nhận sau khi chị H ký nhận nợ chị A mới ký và ghi họ tên người cho vay. Ngoài ra, việc chị H và anh Q cho rằng chị A vào nhà bị đơn lấy giấy vay tiền ký sẵn rồi điền thông tin nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn chị A yêu cầu bị đơn chị H, anh Q tiếp tục trả lãi theo lãi suất quy định 10%/1 năm tương ứng 0,83%/ 1 tháng, thời gian tính lãi từ ngày phát sinh tranh chấp là ngày 04/10/2024 (ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/09/2025 là 11 tháng 12 ngày, với số tiền lãi là 107.393.500 đồng là có căn cứ và phù hợp Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để tiến hành giám định tuổi mực trong biên nhận nhận tiền. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của chị H và anh Q là không đủ căn cứ đồng thời chị H và anh Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H và anh Q mỗi người đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002884, ngày 26/9/2025 (anh Q nộp) và biên lai số 0002918, ngày 29/9/2025 (chị H nộp) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐKTTT&THA TAND Tỉnh;
- TAND Khu vực M;
- Phòng THADS Khu vực M;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Sơn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn Lợi